

Số: 06/QĐ-VKS

Hung Yên, ngày 16 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-VKSTC ngày 22/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán quỹ tiền lương biên chế năm 2022; Quyết định số Quyết định số 134/QĐ-VKSTC ngày 30/12/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-VKSHY ngày 03/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán quỹ tiền lương biên chế năm 2022; Quyết định số 03/QĐ-VKSHY ngày 12/01/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh văn phòng Viện KSND tỉnh Hưng Yên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 của Viện KSND tỉnh Hưng Yên (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng VKSND tỉnh Hưng Yên, Thủ trưởng các đơn vị sử dụng ngân sách tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VKSNDTC-C3 (báo cáo);
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, KT.



KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Mai Văn Tuyên



Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên

Chương: 004

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC năm 2023.

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-VKSHTY ngày 16/01/2023 của Viện trưởng VKSND tỉnh Hưng Yên)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ			
				Viện KSND huyện Kim Động	Viện KSND huyện Khoái Châu	Viện KSND huyện Ân Thi
1	2	3	4=5+6...	5	6	7
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
I	Số thu phí, lệ phí					
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước					
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	39.290.300.000	39.290.300.000	1.883.100.000	2.036.600.000	2.045.500.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	39.290.300.000	39.290.300.000	1.883.100.000	2.036.600.000	2.045.500.000
1	Chi quản lý hành chính	39.087.800.000	39.087.800.000	1.883.100.000	2.036.600.000	2.045.500.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	32.184.800.000	32.184.800.000	1.879.600.000	2.033.100.000	2.042.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	6.903.000.000	6.903.000.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		-			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	202.500.000	202.500.000	-	-	-
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		-			
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	202.500.000	202.500.000			



Số dự toán NSNN giao chi tiết từng đơn vị trực thuộc

Viện KSND huyện Phù Cừ	Viện KSND huyện Yên Mỹ	Viện KSND huyện Tiên Lữ	Viện KSND thị xã Mỹ Hào	Viện KSND thành phố Hưng Yên	Viện KSND huyện Văn Lâm	Văn phòng Viện KSND tỉnh Hưng Yên	Viện KSND huyện Văn Giang
8	9	10	11	12	13	14	15
1.799.100.000	2.096.100.000	1.878.300.000	2.125.600.000	1.955.200.000	1.967.100.000	19.614.600.000	1.889.100.000
1.799.100.000	2.096.100.000	1.878.300.000	2.125.600.000	1.955.200.000	1.967.100.000	19.614.600.000	1.889.100.000
1.799.100.000	2.096.100.000	1.878.300.000	2.125.600.000	1.955.200.000	1.967.100.000	19.412.100.000	1.889.100.000
1.795.600.000	2.092.600.000	1.874.800.000	2.122.100.000	1.951.700.000	1.963.600.000	12.544.100.000	1.885.600.000
3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	3.500.000	6.868.000.000	3.500.000
-	-	-	-	-	-	202.500.000	-
						202.500.000	